

Bản án số: 42/2022/HS-ST
Ngày 29 - 3 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Quàng Thị Hoà và ông Lò Văn Khết.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Trà My, Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Chí Công, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/ QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Quàng Văn U, sinh ngày 05/7/1999, tại huyện M, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: bản H, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: lớp 9/12; Dân tộc: La Ha; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quàng Văn P, sinh năm 1975 và con bà Quàng Thị L, sinh năm 1976; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: không; tiền sự: Không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2021 đến nay; có mặt tại phiên toà.

2. Phạm Hoàng C, sinh ngày 11/7/1994, tại huyện M, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Tiểu khu 4, thị trấn I, huyện M, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Hồng K, sinh năm 1961 và con bà Hoàng Thị Minh H, sinh năm 1960; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: không; tiền sự: Không; Nhân thân: ngày 15/4/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, đã được xóa án tích; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2021 đến nay; có mặt tại phiên toà.

3. Quàng Mạnh H, sinh ngày 19/5/1990, tại huyện M, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: bản G, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: lớp 10/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quàng Văn M, sinh năm 1962 và con bà Cà Thị P, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày

22/4/2011 bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Ngày 24/4/2013 bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 30 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đã được xóa án tích; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2021 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo U:* Ông Lương Duy Tuyên, là Trợ giúp viên pháp lý, của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Sơn La; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Lò Văn D, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Bản M, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 03/10/2021, Quảng Văn U điều khiển xe mô tô YAMAHA EXCITER biển kiểm soát (BKS) 26B2- 548.72 đi đến khu vực Tiểu khu 5, thị trấn I, huyện M thì gặp Tổ công tác Công an thị trấn I làm nhiệm vụ yêu cầu kiểm tra, đấu tranh tại chỗ, U lấy từ trong túi quần bên phải đang mặc ra giao nộp: 01 túi nilon màu xanh, bên trong chứa 103 viên nén màu hồng, U khai nhận đó là ma túy do U cùng với Phạm Hoàng C mua về sử dụng và bán kiếm lời, xe mô tô YAMAHA EXCITER là của Lò Văn D, điện thoại di động nhãn hiệu ITEL gắn sim số 03626205471 là của U, 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng là do bán trái phép chất ma túy có được. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng và dẫn giải về Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện M để điều tra theo thẩm quyền.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La tiến hành mở niêm phong cân tịnh tách bì, xác định khối lượng và lấy mẫu giám định tang vật thu giữ của Quảng Văn U, như sau: 103 viên nén màu hồng trong túi nilon màu xanh có khối lượng là 10,45 gam, lấy 05 viên có khối lượng 0,51 gam làm mẫu gửi giám định ký hiệu là U1; còn lại: 98 viên có khối lượng 9,94 gam cho vào 01 túi nilon màu xanh ký hiệu U và 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu được niêm phong lưu kho vật chứng theo quy định.

Ngày 04/10/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện thực hiện trưng cầu giám định 02 tờ tiền mệnh giá 500.000VNĐ thu giữ của Quảng Văn U.

Ngày 05/10/2021 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số 1612, kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu U1 là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,51 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 10,45 gam; loại Methamphetamine”.

Ngày 11/10/2021 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có kết luận giám định số 1652, Kết luận: Số tiền VNĐ gửi giám định là tiền thật.

Ngày 03/10/2021 Phạm Hoàng C bị bắt, thu giữ 01 điện thoại Iphone 6 Plus gắn sim số 0395897809. Phạm Hoàng C và Quảng Văn U khai nhận: khoảng 06 giờ 00 phút ngày 01/10/2021, Quảng Văn U điều khiển xe mô tô đến nhà C chơi,

trong lúc nói chuyện C nói với U “Dịch không đi làm được thì anh em mình đi mua hàng về chạy không, anh có mồi nhưng không có tiền, em có tiền thì ra trước rồi anh em mình tính sau” U nói “giờ e có sáu triệu” C gọi điện cho Quàng Mạnh H hỏi mua ma túy, H hẹn C ra nhà tại bản G, xã M, huyện M. Khoảng 13 giờ cùng ngày, U và C đi xe mô tô đến nhà H, tại đây, U đưa cho C số tiền 6.000.000 đồng, C đưa tiếp cho H; H bảo C ở nhà chờ. Do chờ quá lâu nên U và C gọi điện thoại cho H và nói “khi nào có ma túy thì ra lấy ” rồi đi xe về thị trấn I. Sau khi nhận điện thoại của H, khoảng 19 giờ cùng ngày C và U điều khiển xe mô tô đến bản K, xã T, huyện M thì C và U gặp H chở theo một người khác, cùng dừng xe, H đưa cho C một gói nilon màu xanh bên trong là ma túy, C đưa túi nilon cho U cầm rồi điều khiển về nhà, mở túi nilon ra đếm được 156 viên nén màu hồng, C và U đã cùng nhau sử dụng và bán cho những người không biết tên, địa chỉ (khoảng 21 giờ ngày 02/10/2021 C bảo có người mua 05 viên ở khu cầu cứng, U trực tiếp ra đưa ma túy cho họ rồi quay về, C bảo U mang thêm cho người đó 05 viên nữa, U mang đi giao nhưng không thu được tiền mà quay về gặp C, C bảo U có khách mua đang chờ ở cửa nhà, U liền đưa cho C 12 viên, C mang đi giao rồi về đưa cho U 1.000.000VNĐ; đến khoảng 00 giờ ngày 03/10/2021 C bảo U có người mua 04 viên tại khu Quảng trường, U mang giao cho họ và thu được số tiền 300.000VNĐ), số còn lại U cất giữ và bị bắt quả tang.

Ngày 05/10/2021 Quàng Mạnh H bị bắt, thu giữ 01 điện thoại di động Nokia 1280, gấn sim số 0386197282, H khai nhận: Sau khi nhận tiền C đưa, H đi mượn xe mô tô của người tên Hưng (không rõ họ, tên đệm, BKS xe mô tô) ở bản H xã M rồi điều khiển đi đến bản H, xã M, huyện M, H gặp một người đàn ông tên Cháng (Tráng), không rõ họ, tên đệm; sau khi trao đổi H nhận của Cháng 01 túi nilon màu xanh bên trong là viên nén màu hồng (ma túy) rồi rủ Cháng đi cùng; H đã gọi điện cho C báo “đã mua được ma túy” và cùng Cháng đi xe mô tô của Cháng đến ngã ba M, H đưa cho Cháng số tiền 6.000.000 đồng và lấy ra 25 viên nén từ túi nilon Cháng đưa và cất vào túi áo rồi tiếp tục cùng Cháng đi đến bản Kt, xã T, huyện M giao túi nilon bên trong là ma túy cho C rồi cùng Cháng đi về, số ma túy H giữ lại mục đích để bán nhưng chưa có ai mua nên đã sử dụng hết.

Ngày 24/11/2021, thực hiện mở niêm phong kiểm tra nội dung thông tin lưu trữ trong điện thoại của U, C và H, kết quả có cuộc gọi đi đến giữa các thuê bao của các bị cáo; nội dung tin nhắn đi và đến giữa thuê bao thể hiện “6tr mà 156c hơi quá thì phải bn ơi”, “Uk thị tởy lấy 25c thị cung vãn thừu...”, C và H xác định đó là tin nhắn về việc mua bán trái phép ma túy.

Thực hiện khám xét khẩn cấp nơi ở H nhưng không thu được gì thêm, đồng thời xác minh người đàn ông tên Cháng (Tráng), Hưng và những người mua trái phép chất ma túy với U, C nhưng không thu thập được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đối với xe mô tô BKS 26B2- 548.72, không là vật chứng trong vụ án khác, anh Lò Văn D xác định: tháng 8/2021 có mang cầm cố xe, sau đó mượn U 14.500.000 đồng để lấy lại chiếc xe và U mượn sử dụng, việc U sử dụng khi mua bán trái phép chất ma túy anh không biết, đề nghị được trả lại chiếc xe.

Tại Bản cáo trạng số 17/CT-VKS-ML ngày 24/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố các bị cáo Quảng Văn U, Phạm Hoàng C, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Quảng Mạnh H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội với mục đích mua ma túy cất giữ để sử dụng và bán cho người khác kiếm lời thì bị bắt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M luận tội và tranh luận: đề nghị tuyên bố các bị cáo Quảng Văn U, Phạm Hoàng C và Quảng Mạnh H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm r, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hoàng C từ 9 năm 6 tháng đến 10 năm tù; xử phạt bị cáo Quảng Văn U từ 9 năm đến 10 năm tù. Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Quảng Mạnh H từ 9 năm đến 10 năm tù. Không áp dụng phạt bổ sung đối với các bị cáo. Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy: 9,94 gam Methamphetamine ký hiệu là U; 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 01 túi nilon màu xanh của Quảng Văn U. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: số tiền 1.300.000VNĐ và 03 điện thoại di động của các bị cáo. Trả lại xe mô tô BKS 26B2- 548.72 cho Lò Văn D.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn tiền án phí cho bị cáo Quảng Văn U. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, buộc các bị cáo Phạm Hoàng C, Quảng Mạnh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo U tranh luận (qua bài bào chữa): đồng ý với nội dung cáo trạng và lời khai bị cáo đã trình bày; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, hiểu biết về đời sống xã hội và pháp luật hạn chế; bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, khai ra đồng phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt, không phạt bổ sung với bị cáo; đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn tiền án phí cho bị cáo; các nội dung khác nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo U bổ sung bào chữa, tranh luận: bị cáo xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, xin được miễn án phí.

Bị cáo Phạm Hoàng C tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Quảng Mạnh H tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Văn D xin nhận lại xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER BKS 26B2- 548.72 và không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Người bào chữa cho bị cáo U và đương sự Lò Văn D có đơn đề nghị xử vắng mặt; xét thấy Người bào chữa có gửi bài bào chữa và bị cáo đồng ý xét xử, lời khai trong hồ sơ đã rõ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên quyết định xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 291, 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là thống nhất, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, xác định: Ngày 01/10/2021, U điều khiển xe mô tô BKS 26B2- 548.72 đến nhà C, trong lúc nói chuyện C nói với U “Dịch không đi làm được thì anh em mình đi mua hàng về chạy không, anh có mỗi nhưng không có tiền, em có tiền thì ra trước rồi anh em mình tính sau” U nói “giờ e có sáu triệu” C gọi điện cho Quàng Mạnh H rồi cùng U đến nhà Hùng. Tại đây, U đưa cho C số tiền 6.000.000 đồng, C đưa tiếp cho H; Hùng đi gặp một người đàn ông tên Cháng (Tráng), không rõ họ, tên đệm, địa chỉ; sau khi trao đổi H nhận của Cháng 01 túi nilon màu xanh bên trong là viên nén màu hồng (ma túy) rồi rủ Cháng đi cùng; H đã gọi điện cho C báo “đã mua được ma túy” và cùng Cháng đi xe mô tô của Cháng đến ngã ba Mường Chùm, H đưa cho Cháng số tiền 6.000.000 đồng và lấy ra 25 viên nén từ túi nilon Cháng đưa và cất vào túi áo rồi tiếp tục cùng Cháng đi đến bản Két, xã Tạ Bú, huyện Mường La giao túi nilon bên trong là ma túy cho C, C đưa túi nilon cho U cầm rồi điều khiển xe về nhà ở mở túi nilon ra đếm được 156 viên nén màu hồng, C và U đã cùng nhau sử dụng và bán cho người không biết tên, địa chỉ được số tiền 1.300.000VNĐ, số còn lại U cất giữ và bị bắt quả tang. Tại kết luận giám định số 1612, ngày 05/10/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu U1 là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,51 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 10,45 gam; loại Methamphetamine”. Như vậy, các bị cáo Quàng Văn U, Phạm Hoàng C và Quàng Mạnh H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy để sử dụng và kiếm lời là xâm phạm chính sách độc quyền

quản lý của Nhà nước về chất ma túy có đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Quảng Văn U, Phạm Hoàng C và Quảng Mạnh H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Sau khi mua được ma túy các bị cáo đã sử dụng, số còn lại U trực tiếp cất giữ trái phép và bị bắt quả tang có tổng khối lượng là 10,45 gam nên U, C và H đã phạm tình tiết định khung theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và thực tế U, C còn bán trái phép chất ma túy bốn lần cho người khác là đã phạm tình tiết định khung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; tội phạm và hình phạt được quy định như sau: “1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. 2. Người nào phạm tội thuộc trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: b) Phạm tội 02 lần trở lên; i) Heroine, Cocaine, Methamphetamine... có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam”.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi: Các bị cáo đã được Đảng và Nhà nước tuyên truyền, vận động, cấm sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy, bị cáo C và H đã được cải tạo giáo dục, rèn luyện bản thân nhưng ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, vì nghiện ma túy và mục đích tư lợi cá nhân, kiêu lời dễ dàng các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự phân công, không có sự cấu kết chặt chẽ nên chưa được coi là có tổ chức, theo quy định tại các Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự thì các bị cáo là đồng phạm giản đơn, có cùng tính chất và mục đích từ trước, trong đó Phạm Hoàng C là người khởi xướng đồng thời là người thực hành tích cực cùng với Quảng Văn U nên giữ vai trò chính (C là người rủ U, trực tiếp liên hệ việc mua và bán trái phép chất ma túy, còn U là người trực tiếp bỏ tiền ra để mua, lấy xe máy sử dụng làm phương tiện, trực tiếp cất giữ, bán trái phép chất ma túy và giữ tiền bán ma túy có được), còn H là người vai trò trung gian (trực tiếp mua bán trái phép chất ma túy với Cháng, chở Cháng đến địa điểm và trực tiếp giao ma túy cho C và U) nên các bị cáo phải chịu C trách nhiệm về khối lượng ma túy. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; tội phạm các bị cáo thực hiện đã hoàn thành, hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và rất nghiêm trọng, không những làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, sự phát triển về thể chất của con người, suy giảm khả năng lao động do nghiện ma túy và kinh tế của gia đình bị cáo mà còn ảnh hưởng chính sách cải tạo giáo dục của Nhà nước, ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương, là nguyên nhân gây ra những loại tội phạm, vi phạm pháp luật khác nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết các bị cáo phạm tội và đề nghị phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Các bị cáo thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi

phạm tội), ăn năn hối cải (IU thể hiện sự cắn rứt, dày vò lương tâm, chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt); bị cáo U và C tự thú (đã khai ra hành vi bán trái phép chất ma túy bốn lần cho người khác); sau khi bị bắt U khai ra đồng phạm (C), còn C đã khai ra đồng phạm (H) là tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án, phát hiện tội phạm. Do đó, xét cho bị cáo U và C được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo U và H là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu xa, nhận thức pháp luật hạn chế; bị cáo C là con và cháu của người có công (mẹ đẻ được tặng huy chương vì sự nghiệp giáo dục, ông nội là Liệt sỹ) nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nhân thân: Bị cáo C và H có nhân thân xấu, U không có tiền án, tiền sự nhưng là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy (phiếu xét nghiệm dương tính (+) với ma túy), chính quyền địa phương xác định các bị cáo không chấp hành quy định của địa phương nên cần cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự.

[7] Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa xác định: không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về biện pháp ngăn chặn: áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; các bị cáo bị tạm giữ, giam được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[9] Đối với người tên Cháng bán trái phép chất ma túy cho bị cáo, người tên Hưng cho H mượn xe mô tô và những người đã mua ma túy với U, C. Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không thu thập được tài liệu khác ngoài lời khai của các bị cáo nên không có cơ sở chứng minh, xử lý theo vụ án.

[10] Vật chứng của vụ án: Cơ quan chức năng đã lấy mẫu giám định 0,51 gam Methamphetamine không hoàn lại mẫu nên không có cơ sở xử lý.

Hiện đang lưu kho vật chứng: 9,94 gam Methamphetamine ký hiệu U giữ của Quàng Văn U còn lại là vật cầm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 01 túi nilon bị cáo U đã sử dụng làm phương tiện cất giữ trái phép chất ma túy là vật chứng không có giá trị nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền bị cáo U và C đã bán bán trái phép chất ma túy có được tổng cộng 1.300.000VNĐ là số tiền do phạm tội mà có, cơ quan chức năng đã thu giữ 1.000.000VNĐ, còn lại 300.000VNĐ bị cáo U đã chi tiêu hết nên cần phải truy

thu, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6 Plus và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 là tài sản của các bị cáo, các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER BKS 26B2- 548.72 là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Lò Văn D; anh D không biết việc bị cáo sử dụng đi phạm tội nên trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định bị cáo U là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo xin miễn nộp tiền án phí; theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo U thuộc trường hợp được miễn án phí. Bị cáo C và H không có căn cứ miễn, giảm nộp tiền án phí nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, i khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm r, s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Quảng Văn U và Phạm Hoàng C.

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Quảng Mạnh H.

1. Tuyên bố: các bị cáo Quảng Văn U, Phạm Hoàng C và Quảng Mạnh H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt:

Bị cáo Phạm Hoàng C 09 (Chín) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, giam (03/10/2021).

Bị cáo Quảng Văn U 08 (Tám) năm 09 (Chín) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, giam (03/10/2021).

Bị cáo Quảng Mạnh H 08 (Tám) năm 06 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, giam (05/10/2021).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: căn cứ điểm a, b, c khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, b, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy: 9,94 gam Methamphetamine ký hiệu U; 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 01 túi nilon màu xanh của Quảng Văn U.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu ITEL và số tiền 1.300.000VNĐ, trong đó: đã tạm giữ 1.000.000VNĐ (Một triệu đồng), phải truy thu tiếp số tiền 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) của Quảng Văn U.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus của Phạm Hoàng C và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 của Quảng Mạnh H.

Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, BKS 26B2-548.72 cho anh Lò Văn D. (Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/02/2022 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: buộc bị cáo Phạm Hoàng C và Quảng Mạnh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 VNĐ (Hai trăm nghìn đồng) đối với một bị cáo.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Quảng Văn U.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/3/2022); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- CA h.M (Bộ phận Hồ sơ, CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú; Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoà

